

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH CÀ MAU

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15/6/2020

V/v: Tranh chấp không công nhận vợ
chồng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phi Hùng

2. Ông Lê Bình Triệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Xuân H, sinh năm 1978 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thanh T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã T, Thới Bình, Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 13/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Huỳnh Xuân H trình bày:*

Anh H và chị T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện vào năm 2016 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh chị đã ly thân từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay. Xét thấy không thể tiếp tục chung sống được nữa, nên chị yêu cầu ly hôn với chị Trần Thanh T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Huỳnh Xuân H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là chị Trần Thanh T. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Chị T có địa chỉ tại ấp L, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, có tổng đạt hợp lệ cho chị T, nhưng chị T không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của anh H và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho chị T, nhưng chị T vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Anh H và chị T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng anh chị không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận anh Huỳnh Xuân H và chị Trần Thanh T là vợ chồng.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh H xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Tại xác nhận ngày 13/3/2020 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

xác nhận hiện tại không ai khiếu kiện anh H và chị T về nợ tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh H phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Huỳnh Xuân H và chị Trần Thanh T là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Huỳnh Xuân H phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 23 tháng 4 năm 2020 anh H có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0011101 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị T vắng mặt nên có

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Khoa

